

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Yêu cầu kỹ thuật

1.1. Yêu cầu giới thiệu chung về dự án, gói thầu, nhà thầu

Chủ đầu tư: Sư đoàn 365

Bên mời thầu: Sư đoàn 365

Tên dự toán mua sắm: **Mua xăng dầu theo phân cấp đợt 1 năm 2026**

Tên gói thầu: **Mua xăng dầu theo phân cấp đợt 1 năm 2026**

Nguồn vốn: NSNN chi cho QPTX năm 2026

Loại hợp đồng: Đơn giá điều chỉnh

Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày.

Nhà thầu nêu rõ tên KHLCNT, tên gói thầu, Số TBMT, tên đơn vị mời thầu và địa điểm thực hiện; tên nhà thầu, người đại diện, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, email trong hồ sơ dự thầu hoặc file đính kèm (đây cũng là tiêu chí đánh giá khi chấm hồ sơ dự thầu, nếu thiếu thông tin được xem như là không tuân thủ hồ sơ mời thầu).

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Nhà thầu phải có các tài liệu đính kèm khi nộp hồ sơ dự thầu, nếu thiếu 1 trong các thông tin mà hồ sơ mời thầu yêu cầu dưới đây thì hồ sơ dự thầu đó được coi là không đạt.

1.2.1. Yêu cầu kỹ thuật chung:

- Chất lượng hàng hóa: mới 100%, sản xuất năm 2025 trở lại đây. Hàng hóa có nhãn mác, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, ký mã hiệu sản phẩm rõ ràng và đảm bảo theo quy định hiện hành, đầy đủ tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa. Có giấy chứng nhận xuất xứ C/O, giấy chứng nhận chất lượng C/Q đối với hàng hóa nhập khẩu; phiếu chứng nhận xuất xưởng, chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng đối với hàng hóa sản xuất trong nước. Tài liệu chứng minh kèm theo là cataloge thiết bị, giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng bản gốc hoặc phô tô công chứng còn hiệu lực; tài liệu kỹ thuật chứng minh được các thông số của hãng sản xuất.

- Nhà thầu phải nêu rõ trong E-HSDT của mình toàn bộ các thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ hoặc tương đương trở lên các thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan theo như mô tả hàng hóa tại mục phạm vi cung cấp hoặc tài liệu đính kèm. Nhà thầu phải chào đích danh và đầy đủ tên hàng hóa, xuất xứ, mã hiệu, thông số kỹ thuật đầy đủ, không được ghi tương đương hoặc “Yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất”.

- Hàng hóa chào thầu phải thích ứng về địa lý, môi trường (Nhà thầu phải đính kèm trong hồ sơ dự thầu)

- Nhà thầu phải có thuyết minh về biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện (giao nhận hàng hóa, vận chuyển, lưu kho...) phù hợp và khả thi. (Đính kèm file trong HSDT).

- Có một trong các tài liệu sau để chứng minh khả năng bảo hành, bảo trì, hướng dẫn sử dụng hàng hóa: Cam kết của nhà sản xuất; Ủy quyền của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối chính thức cho các loại hàng hóa

- Thời gian bảo hành: tối thiểu 24 tháng trong điều kiện khí hậu Việt Nam (đối với các hàng hóa chưa có thông tin bảo hành cụ thể). Cam kết bảo hành sửa chữa hỏng hóc, lỗi trong vòng 06 giờ kể từ khi nhận được thông báo của chủ đầu tư. Có kế hoạch bố trí nhân sự, phương tiện, vật tư đảm bảo công tác bảo hành, bảo trì (Đính kèm file trong HSDT).

- Thời gian hỗ trợ kỹ thuật trong thời gian bảo hành là 08 giờ/ngày, 07 ngày/tuần, thời gian có mặt là 06 giờ sau khi nhận được thông báo của chủ đầu tư. Kênh tiếp nhận thông báo và hỗ trợ: điện

thoại, email, hỗ trợ trực tiếp tại địa điểm sử dụng. Yêu cầu nhà thầu cung cấp thông tin liên hệ theo các kênh đã quy định.

- Tất cả các hàng hóa chào thầu phải đạt tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo pháp luật hiện hành quy định, đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

- Tất cả hàng hóa cung cấp đối với gói thầu này phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT và các tiêu chuẩn nghiệm thu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Phần yêu cầu kỹ thuật này là một bộ phận của hợp đồng. Do đó, việc nhà thầu không tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật cơ bản nêu ở đây, trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được xem như nhà thầu đã vi phạm hợp đồng.

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

Thông số kỹ thuật của hàng hóa tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn theo yêu cầu tại Phụ lục kèm theo Chương III dưới đây. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu, yếu tố kỹ thuật... nào nếu có đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu.

Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật về đặc tính hoá học, vật lý, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của HSMT (Nhà thầu phải đính kèm file trong HSDT - là một yếu tố đánh giá kỹ thuật).

1.2.3 Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

CAM KẾT TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA DẦU DO 0,05S

Diesel 0,05S-II đáp ứng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5689:2013.

(Loại Euro2)

TT	TÊN CHỈ TIÊU	Phương pháp thử	Mức yêu cầu được đánh giá là “Đạt”
1	2	3	4
1	Chỉ số xêtan	TCVN 3180 ASTM D 4737	≥ 46
2	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg	TCVN 6701 ASTM D 5453	≤ 500
3	Nhiệt độ chưng cất, °C, ở 90% thể tích	TCVN 2698 ASTM D 86	≤ 360
4	Điểm chớp cháy cốc kín, °C	TCVN 6608 ASTM D 93	≥ 55
5	Độ nhớt động học ở 40°C, mm ² /s	TCVN 3171 ASTM D 445	2,0÷ 4,5
6	Cặn cacbon của 10% cặn chưng cất, % KL	TCVN 6324 ASTM D 4530	$\leq 0,3$
7	Nhiệt độ đông đặc, °C	TCVN 3753 ASTM D 97	$\leq +6$
8	Hàm lượng tro, % KL	TCVN 2690	$\leq 0,01$

		ASTM D 482	
9	Hàm lượng nước, mg/kg	ASTM E 203	≤ 200
10	Ăn mòn mảnh đồng ở 50°C trong 3h	TCVN 2694 ASTM D 130	Loại 1
11	Khối lượng riêng ở 15 °C, kg/m ³	TCVN 6594 ASTM D 1298	820 - 860
12	Tạp chất dạng hạt, mg/L	ASTM D 2276	≤ 10
13	Độ bôi trơn, μm	ASTM D 6079	≤ 460
14	Ngoại quan	ASTM D 4176	Sạch, trong

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA XĂNG E5-RON 92 (Loại Euro 2)

Xăng E5 Ron 92-II đáp ứng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8063:2015

TT	TÊN CHỈ TIÊU	Phương pháp thử	Các tiêu chuẩn chất lượng
1	Trị số ôctan theo phương pháp nghiên cứu (RON)	TCVN 2703 ASTM D 2699	≥ 92
2	Hàm lượng chì, g/L	TCVN7143 ASTM D3237	≤ 0,013
3	Thành phần cất, °C: - Điểm sôi đầu, °C - 10% thể tích, °C - 50% thể tích, °C - 90% thể tích, °C - Điểm sôi cuối, °C - Cận cuối, % thể tích	TCVN 2698 ASTM D86	Báo cáo ≤ 70 ≤ 120 ≤ 190 ≤ 215 ≤ 2,0
4	Ăn mòn mảnh đồng ở 50°C/3h , max	TCVN 2694 ASTM D130	Loại 1
5	Hàm lượng nhựa thực tế (đã rửa dung môi), mg/100ml.	TCVN 6593 ASTM D 381	≤ 5
6	Độ ổn định oxy hóa, phút	TCVN 6778 ASTM D 525	≥ 480
7	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg	TCVN 7760 ASTM D 5453	≤ 500
8	Áp suất hơi (Reid) ở 37,8°C, kPa	TCVN 7023 ASTM D 5191	43÷80
9	Hàm lượng Benzen, % thể tích	TCVN 6703 ASTM D 3606	≤ 2,5
10	Ngoại quan	TCVN 7759 ASTM D 4176	Trong suốt, không phân lớp, không có tạp chất lơ lửng
11	Khối lượng riêng ở 15°C, kg/m ³	TCVN 6594 ASTM D 1298	Báo cáo
12	Hàm lượng kim loại (Fe, Mn), mg/L	TCVN 7331 ASTM D 3831	≤ 5
13	Hydrocacbon thơm, % thể tích	TCVN 7330 ASTM D 1319	≤ 40
14	Hàm lượng olefin, % thể tích	TCVN 7330 ASTM D 1319	≤ 38

15	Hàm lượng ôxy, % khối lượng	TCVN 7332 ASTM D 4815	≤ 3,7
16	Hợp chất oxygenat, % TT - metanol - etanol - iso-propyl ancol - iso-butyl ancol - tert-butyl ancol - ete (nguyên tử C ≥ 5) - Riêng MTBE - Keton	TCVN 7332 ASTM D 4815	KPH ≤ 4÷5 ≤ 10,0 ≤ 10,0 ≤ 7,0 ≤ 15,0 ≤ 10,0 KPH

Ghi chú:

- Các tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật hàng hóa cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số ca-ta-lô do Chủ đầu tư nêu ra trong mục “Ký hiệu, quy cách” và “Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn” chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế Nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng khác, các nhãn hiệu hàng hóa khác và/hoặc số ca-ta-lô khác, miễn là Nhà thầu có thể chứng minh (có đính kèm HSDT bằng đối chiếu thông số và giấy chứng nhận còn hiệu lực của cơ quan kiểm định chất lượng có pháp lý được nhà nước công nhận) cho Chủ đầu tư thỏa mãn rằng những thay thế đó vẫn đảm bảo sự tương đương về đặc tính hoá học, vật lý hoặc thậm chí cao hơn so với các thông số nêu trên.

- Nội hàm “hoặc tương đương” được hiểu là có tính năng và đặc tính kỹ thuật về vật lý và hoá học tương đương hoặc cao hơn.

- Nhà thầu phải nghiên cứu khảo sát kỹ các yêu cầu về kỹ thuật; số lượng, thông số kỹ thuật của hàng hóa để đưa ra giải pháp cung cấp phù hợp và đầy đủ theo yêu cầu trong chương này.

Đối với nhiên liệu Diesel, xăng E5 và xăng A95 đây là mặt hàng có giá biến động, điều chỉnh giá theo quy định của Nhà nước; do đó, Chủ Đầu tư thống nhất với nhà thầu về phương án xây dựng giá dự thầu như sau: Nhà thầu lấy giá bán lẻ xăng dầu theo công bố của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) trong chu kỳ điều chỉnh giá xăng dầu (theo quy định của Nhà nước) tại thời điểm Chủ Đầu tư xây dựng giá dự toán (ngày 26/3/2026), làm cơ sở để xây dựng giá dự thầu và đưa vào hồ sơ dự thầu; trên cơ sở đó, Chủ Đầu tư sẽ tiến hành đánh giá về tiêu chuẩn tài chính của các nhà thầu. Hồ sơ tài chính của nhà thầu chỉ đạt yêu cầu khi giá chào thầu đảm bảo thấp hơn giá gói thầu được phê duyệt, đồng thời đơn giá dự thầu (đã bao gồm VAT và các loại thuế, phí) phải thấp hơn giá công bố của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) tính theo đơn dự thầu cho 01 lít 15°C tại chu kỳ giá xăng dầu được tính là tiêu chuẩn chấm thầu. Trong đó, hệ số k ($k = \text{Đơn giá dự thầu của nhà thầu} / \text{Đơn giá công bố của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam}$) sẽ là hệ số cố định được áp dụng để tính toán giá trị hợp đồng trong suốt quá trình thực hiện.

1.3. Tiến độ cung cấp hàng hóa:

Trong E-HSDT, Nhà thầu phải đề xuất và lập bảng tiến độ thực hiện các công việc của gói thầu. Đồng thời tiến độ bàn giao hàng hóa sẽ từng hiện theo ngày hoặc đợt xuất theo yêu cầu cụ thể của Chủ đầu tư.

1.4. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu phải phân bổ chi phí các dịch vụ đi kèm: triển khai, cài đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ... và các dịch vụ, công việc khác phục vụ cho việc triển khai gói thầu vào giá chào thầu của hàng hóa. Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ các dịch vụ, công việc nêu trên trước khi 2 bên tiến hành nghiệm thu hợp đồng.

- Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ

đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Nhà thầu trình bày giải pháp đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường trong quá trình triển khai trong HSĐT.

2. Kiểm tra và thử nghiệm

Có phòng thử nghiệm thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc có hợp đồng dịch vụ thuê cơ quan nhà nước có phòng thử nghiệm đủ năng lực kiểm tra, thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng xăng dầu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng

- Đơn vị tính trong giao nhận lít ở nhiệt độ 15°C;

- Lấy mẫu thử: Theo TCVN 6777: 2007 (ASTM D 4057-06);

- Phương pháp, dụng cụ đo tính, xác định thể tích (lít): Tuân theo tiêu chuẩn ngành TCN 01:2000 “nhiên liệu dầu mỏ thể lỏng, quy tắc giao nhận” ban hành kèm theo quyết định số: 1783/2000/QĐ-BTM ngày 26/12/2000 của Bộ Thương mại (Viết tắt là TCN 01:2000) và theo quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương);

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Trước khi giao hàng, khi hàng đến vị trí lắp đặt. Thử nghiệm không tải và có tải theo yêu cầu thiết kế.

+ Kiểm tra tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ. Các tài liệu phải là bản gốc hoặc bản sao được chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền. Có hóa đơn chứng từ đầy đủ.